

Số 384/QĐ-UBND

Mường Tùng, ngày 19 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt danh sách trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ năm học 2025-2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MƯỜNG TÙNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GD&ĐT quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Xét tờ trình số 13/TTr-PVHXXH ngày 19/9/2025 của phòng Văn hoá - Xã hội và đề nghị của trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ, đang học tại các đơn vị trường trên địa bàn xã Mường Tùng năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

1. Tổng số trẻ em nhà trẻ được xét duyệt là trẻ em nhà trẻ bán trú: 431 trẻ.
2. Tổng số học sinh được xét duyệt là học sinh bán trú: 1.311 học sinh, cụ thể:
 - Tổng số học sinh được hỗ trợ tiền ăn: 1.311 học sinh;
 - Tổng số học sinh được hỗ trợ tiền nhà ở: 3 học sinh;
 - Tổng số học sinh được hỗ trợ gạo: 1.311 học sinh.

(Có biểu tổng hợp và danh sách trẻ, học sinh kèm theo)

Điều 2. Hội đồng xét duyệt các trường có trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ năm học 2025-2026 có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai kết quả phê duyệt của UBND xã và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các văn bản quy định hiện hành.

Thời gian được hỗ trợ:

- Trẻ em nhà trẻ bán trú và học sinh bán trú được hỗ trợ 9 tháng, từ tháng 9 đến tháng 5 năm 2026, thuộc năm học 2025-2026 (Không bao gồm học sinh bán trú lớp 1).

- Học sinh bán trú lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1 được hưởng 10 tháng từ tháng 8 năm 2025 đến tháng 5 năm 2026, thuộc năm học 2025-2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng các phòng: Văn hóa - Xã hội, Kinh tế; Hiệu trưởng các đơn vị trường và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

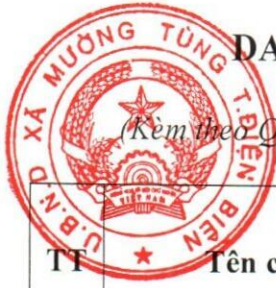
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các đơn vị trường;
- Lưu: VT, VHXXH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Hợp



DANH SÁCH HỖ TRỢ TRẺ EM NHÀ TRẺ BÁN TRÚ
NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số: 384/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND xã Mương Túng)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Thuộc xã, thị trấn	Số lượng trẻ em nhà trẻ bán trú	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
1	Trường Mầm non Huồi Lềng	Mường Túng	180	9	583.200.000	
2	Trường Mầm non Mường Túng	Mường Túng	251	9	813.240.000	
Tổng			431		1.396.440.000	



DANH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN Ở VÀ HỖ TRỢ GẠO CHO HỌC SINH BÁN TRÚ, NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số: 384/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND xã Mương Tùng)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng HS bán trú	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú
1	Trường PTDTBT TH Huổi Lèng	229	9	1.929.096.000	0	30.915	
2	Trường PTDTBT TH Nậm He	473	9	3.984.552.000	0	63.855	
3	Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng	210	9	1.769.040.000		28.350	
4	Trường PTDTBT Tiểu và THCS Mương Tùng	399	9	3.361.176.000	9.720.000	53.865	03 học sinh tự túc chỗ ở
Tổng		1.311		11.043.864.000	9.720.000	176.985	